

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ba
2. Bà Lê Thị Ánh Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 710/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ 60, ấp 5, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Dương Quốc V, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ 12, ấp 2, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị T, anh V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Bích T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Quốc V chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Tam An, huyện Long Thành cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 12/6/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo con cái, nhậu nhẹt bê tha, về còn chửi mắng vợ con không lo chăm sóc cho gia đình. Anh V không có trách nhiệm với vợ con, chị nhiều lần khuyên răn rồi anh hứa sửa đổi nhưng không có gì thay đổi, đến nay anh chị đã sống ly thân. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh V do vợ chồng đã hết tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Do chị bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Về con chung: Có một con chung tên Dương Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2011. Chị T yêu cầu nuôi cháu A và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh Dương Quốc V không đến Tòa để làm việc và không có ý kiến phản hồi.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn ; Căn cước công dân của chị T, sổ hộ khẩu chị T, anh V; Giấy khai sinh con chung; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai ngày 05/01/2022, 24/3/2022 và đơn đề nghị hoãn phiên họp cùng ngày; tự khai cháu A ngày 05/01/2022; Đơn đề nghị thu thập chứng cứ của chị T; đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Dương Quốc V đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh V.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh V là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T ly hôn anh V. Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2011, đề nghị chấp nhận yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị T, giao cháu A cho chị T nuôi

dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Dương Quốc V nhưng anh V vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh V.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh V tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Tam An, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/6/2008 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh V không đến, điều đó thể hiện anh V không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị T trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh V không chăm lo con cái, thường xuyên nhậu nhẹt, về còn chửi mắng vợ con không lo chăm sóc cho gia đình, anh V không có trách nhiệm với vợ con và vợ chồng đã sống ly thân. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh V đã thực sự trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh V là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2011. Hiện cháu A đang sống với chị T và có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nên không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Dương Quốc V, xử cho chị Phạm Thị Bích T được ly hôn anh Dương Quốc V.

Về con chung: Xử giao cháu Dương Phạm Quỳnh A, sinh ngày 01/5/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Anh V được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005043 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Bích T, anh Dương Quốc V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND h. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS h. Long Thành (1);
 - UBND xã Tam An
- GCNKH số 81 ngày 12/6/2008 (1);
- Đương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An